

Số: /QĐ-BNN-XD

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng
“Đầu tư kết cấu hạ tầng hỗ trợ Hợp tác xã phát triển vùng nguyên liệu”**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019; Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; Luật Hợp tác xã năm 2012;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2752/QĐ-BNN-KH ngày 23/6/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về chủ trương đầu tư dự án “Đầu tư kết cấu hạ tầng hỗ trợ hợp tác xã phát triển vùng nguyên liệu”;

Căn cứ Quyết định số 3241/QĐ-BNN-TCCB ngày 22/10/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các dự án Nông nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1249/QĐ-BTNMT ngày 09/6/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư kết cấu hạ tầng hỗ trợ hợp tác xã phát triển vùng nguyên liệu”;

Căn cứ Quyết định số 1088/QĐ-BNN-KTHT ngày 25/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt đề án Thí điểm xây dựng vùng nguyên liệu nông, lâm sản đạt chuẩn phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ các văn bản của UBND 11 tỉnh đề xuất dự án đầu tư và các văn bản pháp lý khác có liên quan;

Xét Tờ trình số 492/TTr-DANN-QLTV&XDDA ngày 14/6/2022 của Ban quản lý các dự án Nông nghiệp trình thẩm định và phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án “Đầu tư kết cấu hạ tầng hỗ trợ Hợp tác xã phát triển vùng nguyên liệu” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình (tại các Báo cáo kết quả thẩm định số 859/BC-XD-KH ngày 18/7/2022 và số 1172/BC-XD-KH ngày 26/8/2022), Vụ trưởng các vụ Kế hoạch, Tài chính, Cục trưởng Cục Kinh tế hợp tác và PTNT.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án “Đầu tư kết cấu hạ tầng hỗ trợ hợp tác xã phát triển vùng nguyên liệu” với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Đầu tư kết cấu hạ tầng hỗ trợ hợp tác xã phát triển vùng nguyên liệu.

2. Loại, nhóm dự án, cấp công trình:

- Loại dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Nhóm dự án: Nhóm B.

- Cấp công trình: Cấp IV.

3. Người quyết định đầu tư: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Chủ đầu tư: Ban quản lý các dự án Nông nghiệp.

5. Tổ chức tư vấn lập dự án:

Liên danh nhà thầu Phương Bắc – ADICO – CONINCO - MI (Công ty TNHH tư vấn và đầu tư xây dựng Phương Bắc - Công ty Cổ phần Tư vấn và đầu tư phát triển An Giang - Công ty Cổ phần CONINCO Máy xây dựng và công trình công nghiệp), nhà thầu phụ Công ty Cổ phần Quang Minh Phát - Gia Lai.

6. Mục tiêu đầu tư:

Hỗ trợ phát triển kết cấu hạ tầng nhằm hình thành vùng sản xuất nguyên liệu sản phẩm nông nghiệp quy mô hàng hóa tập trung, hiện đại, ứng dụng công nghệ tiên tiến trên cơ sở liên kết bền vững giữa các hợp tác xã với các doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu nhằm thúc đẩy nhanh, hiệu quả và bền vững quá trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới. Phát triển, nâng cao vai trò và hiệu quả hoạt động của HTX nông nghiệp trong chuỗi giá trị nông nghiệp, đáp ứng yêu cầu về chất lượng và giảm chi phí nguyên liệu đầu vào phục vụ chế biến và xuất khẩu. Tăng thu nhập, góp phần cải thiện đời sống của người dân địa phương.

7. Địa điểm xây dựng: 11 tỉnh gồm Sơn La, Hòa Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Gia Lai, Đắk Lắk, Long An, Tiền Giang, Đồng Tháp, An Giang và Kiên Giang.

8. Quy mô, nội dung đầu tư và giải pháp TKCS chủ yếu:

a. Quy mô, nội dung đầu tư:

* Hạng mục đường giao thông:

- Đầu tư nâng cấp và cải tạo đường giao thông loại A và loại B với tổng chiều dài là 130,9 km (trong đó 128,2km/130,9km rải bê tông xi măng và thâm nhập nhựa; 2,7km còn lại rải cấp phối, chưa cứng hóa mặt đường).

- Đầu tư 08 cầu giao thông: 04 cầu tại tỉnh Kiên Giang; 03 cầu giao thông tại tỉnh Long An; 01 cầu tại tỉnh Tiền Giang và các công trình phụ trợ liên quan (đường dẫn, biển báo, gia cố mái...).

* Hạng mục công trình thủy lợi:

- Hạng mục trạm bơm:

+ Nâng cấp, xây dựng 06 trạm bơm và các công trình phụ trợ phục vụ tưới, tiêu cho 06 tiểu vùng sản xuất lúa của huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Qui mô các trạm bơm: (i) 03 trạm bơm công suất 4.800m³/h; (ii) 01 trạm bơm công suất 7.200m³/h; (iii) 02 trạm công suất 14.400m³/h.

- Đầu tư nâng cấp 6,04 km kênh chữ nhật, kết cấu BTCT B=1,4m; 04 cống điều tiết có thiết kế cửa van kết hợp giao thông thủy và giao thông bộ, kích thước (BxH)m = (3,5x3)m, kết cấu BTCT.

* Nhà bảo quản, lưu trữ nông sản:

- Đầu tư 02 nhà kho sơ chế mít tại huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An (diện tích 200m²) và tại huyện Tân Thạnh (diện tích 450m²).

- Đầu tư 03 nhà kho chứa cà phê với tổng diện tích 1.125 m² (gồm 3 nhà 400m², 500m² và 225m²) tại tỉnh Đắk Lắk.

- Xây dựng 03 sân bãi tập kết gỗ tại các tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên Huế với tổng diện tích 3.000 m², Trong đó tại tỉnh Thừa Thiên Huế xây dựng 2 bãi tập kết gỗ quy mô 1000 m²/ sân bãi, tại Quảng Trị xây dựng 1 sân bãi tập kết gỗ quy mô 1000 m²/sân bãi.

- Đầu tư xây dựng 02 nhà kho kết hợp trưng bày sản phẩm tại các tỉnh Gia Lai và Đắk Lắk với diện tích khoảng 158,4m²/nhà.

* Thiết bị: Máy bơm nước, máy biến áp và các thiết bị khác.

b. Giải pháp TKCS chủ yếu: *Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo.*

9. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được áp dụng:

- Số bước thiết kế : 02 bước, thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công.

- Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được áp dụng: *Phụ lục III kèm theo.*

10. Tổng mức đầu tư:

Tổng mức đầu tư dự án: **440 tỷ đồng** (Bốn trăm bốn mươi tỷ đồng), trong đó:

Chi phí bồi thường hỗ trợ và tái định cư 0 đồng

Chi phí xây dựng 332.133.537.00 đồng

Chi phí thiết bị 7.283.529.000 đồng

Chi phí quản lý dự án 5.629.571.000 đồng

Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng 33.111.518.000 đồng

Chi phí khác 9.996.091.000 đồng

Chi phí dự phòng 51.845.754.000 đồng

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ dự án:

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách nhà nước do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý là 440 tỷ đồng.

- Dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: 440 tỷ đồng trong giai đoạn 2021-2025

12. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2022- 2025.

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Ban quản lý dự án chuyên ngành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. UBND các tỉnh nơi thực hiện dự án (Sơn La, Hòa Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Gia Lai, Đắk Lắk, Long An, Tiền Giang, Đồng Tháp, An Giang và Kiên Giang):

- Tổ chức thực hiện và bàn giao mặt bằng sạch cho dự án, phối hợp chặt chẽ với Chủ đầu tư dự án trong quá trình thực hiện.

- Tiếp nhận công trình hoàn thành, vận hành, bảo trì đúng quy định, phát huy hiệu quả đầu tư.

2. Ban quản lý các dự án Nông nghiệp:

- Hoàn chỉnh hồ sơ dự án theo các ý kiến của Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính, Cục Kinh tế hợp tác và PTNT và Cục Quản lý xây dựng công trình (tại các Báo cáo thẩm định số 859/BC-XD-KH ngày 18/7/2022 và số 1172/BC-XD-KH ngày 26/8/2022), chỉ được triển khai các bước tiếp theo sau khi đã hoàn tất các thủ tục:

+ Về quy hoạch: có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cấp có thẩm quyền tại địa phương về sự phù hợp với các quy hoạch có liên quan (quy hoạch xây dựng, giao thông, thủy lợi...) đối với các hạng mục xây dựng trong dự án, đáp ứng thủ tục, trình tự đầu tư.

+ Về pháp lý sử dụng đất 5 hạng mục (nhà kho sơ chế mít huyện Tân Thạnh, Long An; nhà kho chứa cà phê và nhà kho kết hợp trưng bày sản phẩm huyện Ea H'leo, Đắk Lắk; nhà kho chứa cà phê huyện Cư M'gar, Đắk Lắk; nhà kho chứa cà phê xã Ea Púk, huyện Krông Năng, Đắk Lắk): phối hợp với địa phương thực hiện các thủ tục có liên quan theo quy định về quyền sử dụng đất trước khi triển khai các công việc tiếp theo; chỉ được khởi công công trình khi có đầy đủ các thủ tục theo quy định, đảm bảo tuyệt đối không thất thoát tài sản nhà nước.

+ Về bàn giao, khai thác sử dụng sau đầu tư: tiếp tục làm việc với địa phương để làm rõ chi tiết công tác bàn giao, tổ chức quản lý, vận hành sử dụng, duy tu bảo dưỡng, bảo trì đối với các hạng mục công trình, đặc biệt lưu ý: Nhà kho bảo quản, sơ chế sản phẩm; Sân bãi tập kết nguyên liệu; Kho lạnh và các Silô chứa sản phẩm (đơn vị bàn giao, tiếp nhận, quản lý, vận hành khai thác sử dụng, công tác duy tu bảo dưỡng bảo trì công trình...).

- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của Chủ đầu tư theo quy định đối với dự án được giao, chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Bộ trưởng về việc tổ chức và quản lý thực hiện dự án.

- Bàn giao công trình hoàn thành cho UBND các tỉnh nơi thực hiện dự án để quản lý, khai thác phát huy hiệu quả đầu tư; thực hiện đúng theo Điều 104 Luật quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017.

3. Vụ Kế hoạch, Vụ Tài Chính, Vụ KHCN&MT, Cục Kinh tế hợp tác và PTNT: xử lý, tham mưu Bộ các công việc liên quan trong quá trình thực hiện dự án theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Cục Quản lý xây dựng công trình: là cơ quan chủ trì thẩm định và cơ quan chuyên môn về xây dựng, thực hiện chức năng quản lý nhà nước giúp Bộ trưởng hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chủ tịch UBND các tỉnh: Sơn La, Hòa Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Gia Lai, Đắk Lắk, Long An, Tiền Giang, Đồng Tháp, An Giang và Kiên Giang; Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính, Cục trưởng Cục: Quản lý xây dựng công trình, Kinh tế hợp tác và PTNT, Trưởng Ban quản lý các dự án Nông nghiệp, thủ trưởng các đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Lê Minh Hoan (để b/c);
- Các Bộ: KHĐT và TC;
- Kho bạc NN (TƯ và ĐP);
- UBND các tỉnh: Sơn La, Hòa Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Gia Lai, Đắk Lắk, Long An, Tiền Giang, Đồng Tháp, An Giang và Kiên Giang;
- Lưu VT, XD (30b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp